

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
KHOA NGOẠI NGỮ

**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

**I. Thông tin tổng quát**

1. Tên môn học tiếng Việt: **TIẾNG ANH NÂNG CAO 4** - Mã môn học: GENG1342
2. Tên môn học tiếng Anh: Academic English 4
3. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng
  - Giáo dục đại cương
  - Kiến thức chuyên ngành
  - Kiến thức cơ sở
  - Kiến thức bổ trợ
  - Kiến thức ngành
  - Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp
4. Số tín chỉ

Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
<b>3TC</b>	<b>2 TC</b>	<b>1 TC</b>	<b>90 tiết</b>

5. Phụ trách môn học
  - Khoa phụ trách: Khoa Ngoại ngữ
  - Giảng viên: TS. Bùi Thị Thục Quyên
  - Địa chỉ email liên hệ: quyen.btt@ou.edu.vn
  - Phòng làm việc: Phòng 503 - Số 35- 37 Hồ Hảo Hớn Q.1 Tp. Hồ Chí Minh

**II. Thông tin về môn học**

1. **Mô tả môn học**

Môn *Tiếng Anh Nâng cao 4* là môn học bắt buộc trong khung chương trình đào tạo chính thức dành cho sinh viên không chuyên tiếng Anh. Đây là môn học thứ tư trong 5 môn nhằm bổ sung kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ để giúp sinh viên đạt trình độ tương đương trung cấp (B1) theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

2. **Môn học điều kiện:** Không

3. **Mục tiêu môn học**

Môn học nhằm giúp cho sinh viên có các kiến thức, kỹ năng, và thái độ sau:

Mục tiêu môn học	Mô tả	CĐR CTĐT phân bổ cho môn học
CO1	<p>Tiếp tục phát triển Tiếng Anh giao tiếp và luyện tập các kỹ năng Nghe-Nói-Đọc-Viết cơ bản với các tình huống quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày;</p> <p>Tiếp tục rèn luyện tư duy phê phán cùng với các hoạt động thực hành kỹ năng;</p> <p>Bắt đầu làm quen với một số kiến thức mang tính trừu tượng, tìm và sử dụng thông tin đa dạng, lĩnh vực kiến thức nền khác nhau (văn hóa-xã hội);</p> <p>Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình;</p>	PLO 11.1
CO2	Có năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.	PLO 12

4. **Chuẩn đầu ra (CĐR) môn học**

Học xong môn học này, sinh viên đạt được kiến thức, kỹ năng, thái độ sau:



1.3												X	
1.4												X	
1.5												X	
1.6												X	
1.7												X	
2.1													X
2.2													X

## 5. Học liệu

### a. Giáo trình

(1) Stephenson, H., Hughes J., & Dummett, P. (2017). *Life Intermediate Student's Book*, 2<sup>nd</sup> Edition. National Geographic Learning, Cengage Learning. (Unit 1 – Unit 4)

### b. Tài liệu tham khảo

(2) Stephenson, H., Hughes J., & Dummett, P. (2017). *Life Intermediate Online Workbook (OWB)*, 2<sup>nd</sup> Edition. National Geographic Learning, Cengage Learning. (Unit 1– Unit 4)

(3) Stephenson, H., Hughes J., & Dummett, P. (2017). *Grammar Practice Worksheets*, 2<sup>nd</sup> Edition. National Geographic Learning, Cengage Learning. (Unit 1 – Unit 4). Retrieved at [www.ngl.cengage.com](http://www.ngl.cengage.com) dated August 19, 2019.

(4) Stephenson, H., Hughes J., & Dummett, P. (2017). *Mono-lingual word list*, 2<sup>nd</sup> Edition. National Geographic Learning, Cengage Learning. (Unit 1 – Unit 4). Retrieved at [www.ngl.cengage.com](http://www.ngl.cengage.com) dated August 19, 2019.

## 6. Đánh giá môn học

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Thời điểm	CĐR môn học	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Bài tập online đi kèm theo các nội dung cụ thể được dạy trong môn học này	Suốt khóa học	CLO1.1; CLO1.3; CLO1.4; CLO1.5; CLO1.6 CLO2.1;	20%
	A1.2 Điểm hoạt động Nói (GVNN)	Trong khóa học	CLO1.1; CLO1.2; CLO1.5; CLO1.6; CLO1.7; CLO2.2;	10%
	A1.3 Kiểm tra kỹ năng Nói (GVVN)	Trong khóa	CLO1.1; CLO1.2; CLO1.5;	10%

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Thời điểm	CĐR môn học	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	
		học	CLO1.6; CLO1.7; CLO2.2;	
	A1.4 Kiểm tra kỹ năng Viết theo dạng tự luận	Trong khóa học	CLO1.4; CLO1.5; CLO1.6; CLO1.7	10%
	<b>Tổng cộng</b>			50%
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1 Thi cuối kì (Kỹ năng Nghe và kỹ năng Đọc theo dạng trắc nghiệm)	Tập trung vào cuối khóa	CLO1.1; CLO1.3; CLO1.5; CLO1.6; CLO1.7	50%
	<b>Tổng cộng</b>			50%
<b>Tổng cộng</b>				100%

## 7. Kế hoạch giảng dạy

Tuần/buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>Buổi 1</b> (4,5 tiết)	1 tiết <b>INTRODUCTION TO THE COURSE</b>				
<b>GVVN</b>	3,5 tiết <b>UNIT 1: CULTURE AND IDENTITY</b> <b>Opener: World culture</b> <u>Listening</u> : Listening for details <u>Speaking</u> : Talking about social groups <b>Part 1.a: How we see cultures</b>	CLO1.1; CLO1.2; CLO1.3; CLO1.5; CLO1.6; CLO1.7;	<u>Giảng viên</u> : + Tổ chức cho sinh viên làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm + Gọi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Bài tập online (làm ở nhà) Unit 1 (1.a; 1.b; 1.c)	(1) Unit 1 (Opener; 1.a; 1.b; 1.c)  (2) xem cột 5

Tuần/buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><b>Nội dung chính</b>  <u>Reading:</u> Reading for main ideas. The article: “<b>How we see other cultures</b>”  <u>Grammar:</u> Present simple and present continuous; dynamic and stative verbs  <u>Word focus:</u> <i>love</i>  <u>Speaking:</u> Asking and answering using stative verbs</p> <p><b>Part 1.b: Culture and colours</b>  <b>Nội dung chính</b>  <u>Listening:</u> Listening for main ideas and details. Topic: “<b>colours and their meaning</b>”  <u>Pronunciation:</u> Direct and indirect questions  <u>Grammar:</u> Question forms: direct questions  <u>Vocabulary:</u> Feelings  <u>Speaking:</u> Work in pair asking and answering the given questions (in direct and indirect form)</p> <p><b>Part 1.c: A world together</b>  <b>Nội dung chính</b>  <u>Reading:</u> Reading for main ideas and details. Article: “<b>A world together</b>”</p>	CLO2.1; CLO2.2.	<p><u>Sinh viên:</u>  + Học ở lớp: nghe, nhìn, lặp lại theo mẫu, và làm thực hiện các hoạt động nhận biết thông tin và giao tiếp đơn giản  + Làm việc cá nhân, hoặc theo cặp, nhóm  + Học ở nhà: ôn nội dung đã học thông qua các bài tập online của Unit 1 (xem cột 5 - bài đánh giá)</p> <p>(Sinh viên học lý thuyết tại lớp: 3 tiết; thực hành tại lớp: 1,5 tiết; thực hành online: 1,5 tiết; tự học ở nhà : 9 tiết)</p>		(3) Unit 1;  (4) Unit 1.

Tuần/buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><u>Critical thinking</u>: suy luận chủ ý của tác giả thông qua các ví dụ</p> <p><u>Vocabulary</u>: Adjective + Noun collocation</p> <p><u>Speaking</u>: Survey on how “international” other students’ lives are. Make a presentation.</p>				
<p><b>Buổi 2</b> (4,5 tiết)</p> <p><b>GVVN</b></p>	<p>4,5 tiết</p> <p><b>Part 1.e: About us</b> <i>Nội dung chính</i></p> <p><u>Writing</u>: Writing a business profile</p> <p><u>Writing skills</u>: Criteria for writing</p> <p><b>Part 1.f: Faces of India</b> <i>Nội dung chính</i></p> <p><u>Vocabulary</u>: Key vocabulary in the video</p> <p>- <u>Watch the video</u> “Faces of India”</p> <p>- <u>Listening</u>: Listening for main ideas and details</p> <p>- <u>Writing</u>: Answering the questions given</p> <p><b>Review and Memory Booster</b> Review Unit 1</p> <p><b>UNIT 2: PERFORMING</b> <b>Opener: Art and performing</b> <u>Vocabulary</u>: Art and performing</p>	<p>CLO1.1; CLO1.2; CLO1.3; CLO1.4; CLO1.5; CLO1.6; CLO2.1; CLO2.2.</p>	<p><u>Giảng viên</u>: + Tổ chức cho sinh viên làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm</p> <p>+ Gọi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết</p> <p><u>Sinh viên</u>: + Học ở lớp: nghe, nhìn, lặp lại theo mẫu, và làm thực hiện các hoạt động nhận biết thông tin và giao tiếp đơn giản</p> <p>+ Làm việc cá nhân, hoặc theo cặp, nhóm</p> <p>+ Học ở nhà: ôn nội dung đã học thông qua các bài tập online của Unit 1 và Unit 2 (xem cột 5 - bài đánh giá)</p> <p>(Sinh viên học lý thuyết tại lớp: 3 tiết; thực hành tại lớp: 1,5 tiết; thực hành online: 1,5 tiết; tự học ở nhà : 9 tiết)</p>	<p>Bài tập online (làm ở nhà) Unit 1 (1.e; review)  Unit 2 (2.a)</p>	<p>(1) Unit 1 (1.f; review) &amp; Unit 2 (Opener; 2.a)</p> <p>(2) xem cột 5</p> <p>(3) Unit 1 &amp; Unit 2;</p> <p>(4) Unit 1 &amp; Unit 2.</p>

Tuần/buổi học	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><u>Speaking:</u> Discuss the given questions about personal preference of art</p> <p><b>Part 2.a: Music today</b> <i>Nội dung chính</i></p> <p><u>Grammar:</u> Present perfect simple <u>Vocabulary:</u> Musical styles <u>Reading:</u> Reading for main ideas and details. The article: “<i>The online revolution</i>” <u>Speaking:</u> Act out the conversation</p>				
<b>Buổi 3</b> (4,5 tiết)  <b>GVVN</b>	4,5 tiết  <b>Part 2.b: Learning to dance</b> <i>Nội dung chính</i> <u>Grammar:</u> Present perfect simple and past simple tenses <u>Vocabulary:</u> Emotions <u>Listening:</u> Listening for main ideas and details. <b>Topic: “Learning to dance”</b> <u>Pronunciation:</u> Weak form in present perfect simple and past simple. <u>Speaking:</u> Work in pair. Ask questions with Present perfect simple and past simple tenses  <b>Part 2.c: Living statues</b> <i>Nội dung chính</i> <u>Reading:</u> Reading for main	CLO1.1; CLO1.2; CLO1.3; CLO1.4; CLO1.5; CLO1.6; CLO1.7; CLO2.1; CLO2.2.	<u>Giảng viên:</u> + Tổ chức cho sinh viên làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm + Gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết <u>Sinh viên:</u> + Học ở lớp: nghe, nhìn, lặp lại theo mẫu, và làm thực hiện các hoạt động nhận biết thông tin và giao tiếp đơn giản + Làm việc cá nhân, hoặc theo cặp, nhóm + Học ở nhà: ôn nội dung đã học thông qua các bài tập online của Unit 2 (xem cột 5	Bài tập online (làm ở nhà) Unit 2 (2.b; 2.c; 2.e)	(1) Unit 2 (2.b; 2.c; 2.e);  (2) xem cột 5;  (3) Unit 2;  (4) Unit 2



Tuần/buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>ideas and details. The article: “<b>Living statues</b>”</p> <p><u>Word focus:</u> <i>kind</i></p> <p><u>Critical thinking:</u> Suy luận về các yếu tố liên quan đến nội dung bài báo</p> <p><u>Speaking:</u> Survey on prices and art events in your city. Make a presentation.</p> <p><b>Part 2.e: A portrait of an artist</b> <b>Nội dung chính</b></p> <p><u>Writing:</u> Writing a review about an artist that you like best</p> <p><u>Writing skills:</u> Linking ideas</p>		<p>- bài đánh giá)</p> <p>(Sinh viên học lý thuyết tại lớp: 3 tiết; thực hành tại lớp: 1,5 tiết; thực hành online: 1,5 tiết; tự học ở nhà : 9 tiết)</p>		
<p><b>Buổi 4</b> (4,5 tiết)</p> <p><b>GVVN</b></p>	<p>4,5 tiết</p> <p><b>Part 2.f: Taiko master</b> <b>Nội dung chính</b></p> <p><u>Vocabulary:</u> Key vocabulary in the video</p> <p>- <u>Watch the video</u> “Taiko master”</p> <p>- <u>Listening:</u> Listening for main ideas and details</p> <p>- <u>Writing:</u> Using your own words to complete sentences</p> <p><b>Review and Memory Booster</b> Review Unit 3</p> <p><b>UNIT 3: WATER</b></p>	<p>CLO1.1; CLO1.2; CLO1.3; CLO1.4; CLO1.5; CLO1.6; CLO2.1; CLO2.2.</p>	<p><u>Giảng viên:</u> + Tổ chức cho sinh viên làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm + Gọi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết</p> <p><u>Sinh viên:</u> + Học ở lớp: nghe, nhìn, lặp lại theo mẫu, và làm thực hiện các hoạt động nhận biết thông tin và giao tiếp đơn giản + Làm việc cá nhân, hoặc theo cặp, nhóm</p>	<p>Bài tập online (làm ở nhà) Unit 2 (review)  Unit 3 (3.a; 3.b)</p>	<p>(1) Unit 2 (2.f; review) &amp; Unit 10 (Opener; 3.a; 3.b)</p> <p>(2) xem cột 5</p> <p>(3) Unit 2 &amp; Unit 3;</p> <p>(4) Unit 2 &amp; Unit 3.</p>

Tuần/buổi học		Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p><b>Opener: Water sports</b>  <u>Vocabulary:</u> Water sports  <u>Speaking:</u> Playing water sports</p> <p><b>Part 3.a: A story behind a photo</b>  <i>Nội dung chính</i>  <u>Grammar:</u> Past simple and past continuous  <u>Vocabulary:</u> Describing experiences  Adverb with -ly  <u>Listening:</u> Listening for main ideas and details  <u>Speaking:</u> Talking about new interesting experience</p> <p><b>Part 3.b: Return to Titanic</b>  <i>Nội dung chính</i>  <u>Reading:</u> Reading for main ideas and details. The article: "Return to Titanic"  <u>Grammar:</u> Past perfect simple  <u>Speaking:</u> Telling the solution for the given puzzle using past perfect simple</p>		<p>+ Học ở nhà: ôn nội dung đã học thông qua các bài tập online của Unit 2 và Unit 3 (xem cột 5 - bài đánh giá)</p> <p>(Sinh viên học lý thuyết tại lớp: 3,5 tiết; thực hành tại lớp: 1 tiết; thực hành online: 1,5 tiết; tự học ở nhà : 9 tiết)</p>		
<b>Buổi 5</b> (4,5 tiết)	4,5 tiết	<p><b>Part 3.c: Love and death in the sea</b>  <i>Nội dung chính</i>  <u>Reading:</u> Reading for main ideas and details. The article: "<b>Love and death in the sea</b>"</p>	CLO1.1; CLO1.2; CLO1.3; CLO1.4; CLO1.5;	<p><u>Giảng viên:</u>  + Tổ chức cho sinh viên làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm  + Gọi ý, cho nhận xét, và hỗ</p>	Bài tập online (làm ở nhà) Unit 3 (3.c; 3.e; review)	(1) Unit 3 (3.c; 3.e; 3.f; review)  (2) xem cột 5
<b>GVVN</b>						

Tuần/buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
	<p>World focus: <i>get</i>  <u>Critical thinking</u>: Drawing to conclusion (đi đến kết luận)  <u>Speaking</u>: Groupwork. Telling stories that taught you lessons</p> <p><b>Part 3.e: What a weekend!</b>  <b>Nội dung chính</b>  <u>Writing</u>: Writing a blog post  <u>Language focus</u>: Interesting language</p> <p><b>Part 3.f:</b>  <b>Nội dung chính</b>  <u>Vocabulary</u>: Key vocabulary in the video  - <u>Watch the video</u> “Four women in a wild river”  - <u>Listening</u>: Listening for main ideas and details  - <u>Speaking</u>: What would you take with you when you are away?</p> <p><b>Review and Memory Booster</b>  Review Unit 3</p>	CLO1.6; CLO2.1; CLO2.2.	<p>trợ sinh viên khi cần thiết  <u>Sinh viên</u>:  + Học ở lớp: nghe, nhìn, lặp lại theo mẫu, và làm thực hiện các hoạt động nhận biết thông tin và giao tiếp đơn giản  + Làm việc cá nhân, hoặc theo cặp, nhóm  + Học ở nhà: ôn nội dung đã học thông qua các bài tập online của Unit 3 (xem cột 5 - bài đánh giá)</p> <p>(Sinh viên học lý thuyết tại lớp: 3,5 tiết; thực hành tại lớp: 1 tiết; thực hành online: 1,5 tiết; tự học ở nhà : 9 tiết)</p>		(3) Unit 3;  (4) Unit 3.	
<b>Buổi 6</b> (4,5 tiết)	4,5 tiết	<b>UNIT 4: OPPORTUNITIES</b> <b>Opener: Jobs</b> <u>Vocabulary</u> : Jobs <u>Listening</u> : Ideal jobs in childhood <u>Speaking</u> : Describing jobs	CLO1.1; CLO1.2; CLO1.3; CLO1.5; CLO1.6; CLO2.1;	<u>Giảng viên</u> : + Tổ chức cho sinh viên làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm + Gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Bài tập online (làm ở nhà) Unit 4 (4.a; 4.b; 4.c)	(1) Unit 4 (Opener; 4.a; 4.b; 4.c)  (2) xem cột 5

Tuần/buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><b>Part 4.a: Will a robot take your job?</b>  <b>Nội dung chính</b>  <u>Reading:</u> Reading for main ideas. The article: “<i>Will a robot take your job?</i>”  <u>Grammar:</u> Predictions with <i>Will</i>, <i>May</i>, and <i>Might</i>  <u>Word focus:</u> <i>job</i> and <i>work</i>  <u>Speaking:</u> Giving predictions</p> <p><b>Part 4.b: What’s next?</b>  <b>Nội dung chính</b>  <u>Vocabulary:</u> Education  Prefix <i>re-</i>  <u>Listening:</u> Listening for main ideas and details  <u>Grammar:</u> Future forms  <u>Speaking:</u> Making an arrangement for an event provided</p> <p><b>Part 4.c: A better life?</b>  <b>Nội dung chính</b>  <u>Reading:</u> Reading for main ideas. The article: “<i>A better life?</i>”  <u>Critical Thinking:</u> The author’s view</p> <p><u>Vocabulary:</u> <i>pay</i> and conditions  <u>Speaking:</u> Discuss on what make a good job?</p>	CLO2.2	<p><u>Sinh viên:</u>  + Học ở lớp: nghe, nhìn, lặp lại theo mẫu, và làm thực hiện các hoạt động nhận biết thông tin và giao tiếp đơn giản  + Làm việc cá nhân, hoặc theo cặp, nhóm  + Học ở nhà: ôn nội dung đã học thông qua các bài tập online của Unit 4 (xem cột 5 - bài đánh giá)</p>		<p>(3) Unit 4;  (4) Unit 4.</p>

Tuần/buổi học		Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>Buổi 7</b> (4,5 tiết)	4,5 tiết	<p><b>Part 4.e: I enclose my CV</b> <i>Nội dung chính</i> <u>Writing:</u> Writing a covering letter <u>Writing skills:</u> Formal style</p> <p><b>Part 4.f: Everest tourism changed Sherpa lives</b> <i>Nội dung chính</i> - <u>Vocabulary:</u> Key vocabulary in the video - <u>Watch the video</u> “ Everest tourism changed Sherpa lives” - <u>Listening:</u> Listening for main ideas and details - <u>Speaking:</u> Answering questions with your own words</p> <p><b>Review and Memory Booster</b> Review Unit 4</p>	CLO1.1; CLO1.2; CLO1.4; CLO1.5; CLO1.6; CLO2.1; CLO2.2	<p><u>Giảng viên:</u> + Tổ chức cho sinh viên làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm + Gọi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết + Kiểm tra kỹ năng Nói</p> <p><u>Sinh viên:</u> + Học ở lớp: nghe, nhìn, lặp lại theo mẫu, và làm thực hiện các hoạt động nhận biết thông tin và giao tiếp đơn giản + Làm việc cá nhân, hoặc theo cặp, nhóm + Học ở nhà: ôn nội dung đã học thông qua các bài tập online của Unit 4 (xem cột 5 - bài đánh giá)</p> <p>(Sinh viên học lý thuyết tại lớp: 3,5 tiết; thực hành tại lớp: 1 tiết; thực hành online: 1,5 tiết; tự học ở nhà : 9 tiết)</p>	Bài tập online (làm ở nhà) Bài tập online Unit 4 (4.e; review)	(1) Unit 9 (9.e; 4.f; review) (2) xem cột 5 (3) Unit 4; (4) Unit 4.
<b>Buổi 8</b> (4,5 tiết)	4,5 tiết	<p><b>Kiểm tra kỹ năng Viết (45 phút)</b></p> <p><b>Kiểm tra kỹ năng Nói</b></p>	CLO1.1; CLO1.2; CLO1.4; CLO1.5;	<p><u>Giảng viên:</u> + Kiểm tra kỹ năng Viết và Nói</p>	<b>BÀI KIỂM TRA VIẾT và NÓI</b>	

Tuần/buổi học	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		CLO1.6; CLO1.7; CLO2.1; CLO2.2	(Sinh viên học lý thuyết tại lớp: 0 tiết; thực hành tại lớp: 4,5 tiết; thực hành online: 1,5 tiết; tự học ở nhà : 9 tiết)		
<b>Buổi 9</b> (4,5 tiết)  <b>GVNN</b>	4,5 tiết  <b>Part 1.d: First impressions</b> <b>Nội dung chính</b> <u>Language focus:</u> Opening and closing conversations <u>Pronunciation:</u> Short questions <u>Writing:</u> Complete the profile information <u>Speaking:</u> Introduce yourself to as many people as you can (situation: in a seminar)  <b>Part 2.d: What's on</b> <b>Nội dung chính</b> <u>Language function:</u> Suggestions and responses on choosing an event <u>Vocabulary:</u> Adjectives and adverbs describing performances <u>Pronunciation:</u> Intonation with ready, absolutely	CLO1.1; CLO1.2; CLO1.4; CLO1.6; CLO1.7; CLO2.1; CLO2.2	<u>Giảng viên:</u> + Tổ chức cho sinh viên làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm + Gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết <u>Sinh viên:</u> + Học ở lớp: nghe, nhìn, lặp lại theo mẫu, và làm thực hiện các hoạt động nhận biết thông tin và giao tiếp đơn giản + Làm việc cá nhân, hoặc theo cặp, nhóm + Học ở nhà: ôn nội dung đã học thông qua các bài tập online của Unit 1 và Unit 2 (xem cột 5 - bài đánh giá)  (Sinh viên học lý thuyết tại lớp: 3,5 tiết; thực hành tại lớp: 1 tiết; thực hành online: 1,5 tiết; tự học ở nhà : 9 tiết)	Bài tập online (làm ở nhà) Unit 1 (1.d) & Unit 2 (2.d);	1) Unit 1 (1.d) & Unit 1 (1.d)  (2) xem cột 5  (3) Unit 1 & Unit 2;  (4) Unit 1 & Unit 2.

Tuần/buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>Buổi 10</b> (4,5 tiết)  <b>GVNN</b>	4,5 tiết  <b>Part 3.d: No way</b> <b>Nội dung chính</b> <u>Language focus:</u> Telling stories <u>Pronunciation:</u> was and were <u>Useful phrases:</u> Phrases used when telling stories <u>Listening:</u> Listening for main ideas <u>Speaking:</u> Tell a surprising or embarrassing story  <b>Part 4.d: Would you mind ...?</b> <b>Nội dung chính</b> <u>Vocabulary:</u> Job requirements <u>Real life:</u> Making and responding to requests <u>Useful expressions:</u> Making requests and responding to requests <u>Pronunciation:</u> Weak and strong auxiliary verbs	CLO1.1; CLO1.2; CLO1.5; CLO1.6; CLO1.7; CLO2.1; CLO2.2	<u>Giảng viên:</u> + Tổ chức cho sinh viên làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm + Gọi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết <u>Sinh viên:</u> + Học ở lớp: nghe, nhìn, lặp lại theo mẫu, và làm thực hiện các hoạt động nhận biết thông tin và giao tiếp đơn giản + Làm việc cá nhân, hoặc theo cặp, nhóm. + Học ở nhà: ôn nội dung đã học thông qua các bài tập online của Unit 3 và Unit 4 (xem cột 5 - bài đánh giá)  (Sinh viên học lý thuyết tại lớp: 3,5 tiết; thực hành tại lớp: 1 tiết; thực hành online: 1,5 tiết; tự học ở nhà : 9 tiết)	Bài tập online (làm ở nhà) Bài tập online Unit 3 (3.d) và Unit 4 (4.d)	1) Unit 3 (3.d) & Unit 4 (4.d)  (2) xem cột 5  (3) Unit 3 & Unit 4;  (4) Unit 3 & Unit 4.

### 8. Quy định của môn học

- Quy định về nộp bài tập, bài kiểm tra: Phải hoàn thành bài tập online đúng hạn theo từng tuần. Phải thi đầy đủ các kỹ năng của bài thi cuối kỳ.

- Quy định về chuyên cần: Phải tham dự ít nhất 80% thời lượng môn học. Sinh viên nghỉ quá 20% thời lượng môn học sẽ bị cấm thi cuối kỳ.
- Nội quy lớp học: Sinh viên phải chấp hành nội quy của nhà trường, có thái độ hòa nhã, lịch sự với giáo viên và các bạn cùng tham gia môn học.

**TRƯỞNG KHOA**



**TS. Nguyễn Thúy Nga**

**Giảng viên biên soạn**



**TS. Bùi Thị Thục Quyên**